

| | | |
|---|--|-----------------------------|
| SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC KẠN | QUY TRÌNH | Mã hiệu: 07/QTr-VPĐK |
| | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: .../.../2020 |

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

| Trách nhiệm | Soạn thảo | Xem xét | Phê duyệt |
|-------------|---------------|----------------------------|---------------------|
| Họ tên | Nông Thị Miên | Nguyễn Đình Lai | Nông Văn Kỳ |
| Chữ ký | | | |
| Chức vụ | Viên chức | Giám đốc Văn phòng ĐKĐĐ | Giám đốc Sở TNMT |

| | | |
|---|--|-----------------------------|
| SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC KẠN | QUY TRÌNH | Mã hiệu: 07/QTr-VPĐK |
| | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: .../.../2020 |

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự, cách thức và thời gian giải quyết các bước công việc của TTHC gắn với trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận tham mưu giải quyết TTHC; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai và cung cấp dịch vụ công về đất đai trên địa bàn tỉnh

2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện dịch vụ hành chính công phù hợp với thẩm quyền giải quyết của cơ quan.

- Phòng Đất đai, Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ, Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả có trách nhiệm thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Luật Đất đai năm 2013.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

- Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Bản đồ địa chính;

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số Điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

- Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BTNMT ngày 07/8/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

- Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTP-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.

| | | |
|---|--|-----------------------------|
| SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC KẠN | QUY TRÌNH | Mã hiệu: 07/QTr-VPĐK |
| | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: .../.../2020 |

- Quyết định số 39/QĐ-STNMT ngày 01/02/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ủy quyền ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Quyết định số 1672/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành quy trình liên thông luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn.

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HDND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn Ban hành quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- UBND : Ủy ban nhân dân
- ISO: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015
- TTPVHCC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn
- VPĐKĐĐ: Văn phòng Đăng ký đất đai
- CNVPĐKĐĐ: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai
- Phòng ĐK&CGCN: Phòng Đăng ký và Cấp giấy chứng nhận.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

| | | | |
|------------|--|------------------|----------------|
| 5.1 | Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Trước khi hết hạn sử dụng đất tối thiểu là 06 tháng. - Sau khi có văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư mà có thay đổi thời hạn hoạt động của dự án. | | |
| 5.2 | Thành phần hồ sơ | Bản chính | Bản sao |
| 1 | Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK | 1 | |
| 2 | Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp | 1 | |
| 3 | Bản sao Quyết định đầu tư bổ sung hoặc Giấy phép đầu | | 1 |

| | | |
|---|--|-----------------------------|
| SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC KẠN | QUY TRÌNH | Mã hiệu: 07/QTr-VPĐK |
| | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: .../.../2020 |

| | | | |
|------------|--|--|---|
| | <p>tu hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư có thể hiện thời hạn hoặc điều chỉnh thời hạn thực hiện dự án đầu tư phù hợp thời gian xin gia hạn sử dụng đất đối với trường hợp sử dụng đất của tổ chức, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư.</p> <p>Trường hợp tổ chức trong nước đang sử dụng đất để thực hiện hoạt động đầu tư trên đất nhưng không thuộc trường hợp có Quyết định đầu tư bổ sung hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thì thể hiện cụ thể lý do đề nghị gia hạn sử dụng đất tại Điểm 4 của Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK;</p> | | |
| 4 | Chúng tôi đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính (nếu có). | | 1 |
| 5.3 | Số lượng hồ sơ | | |
| | 01 bộ | | |
| 5.4 | Thời gian xử lý | | |
| | Không quá 7 ngày làm việc (<i>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện TTHC tăng thêm 10 ngày</i>) | | |
| 5.5 | Nơi tiếp nhận và trả kết quả | | |
| | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn đối với tổ chức; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân | | |
| 5.6 | Lệ phí | | |
| | Lệ phí theo Nghị quyết số 09/2020/NQ-HDND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn Ban hành quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | | |

| | | |
|---|--|-----------------------------|
| SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC KẠN | QUY TRÌNH | Mã hiệu: 07/QTr-VPĐK |
| | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: .../.../2020 |

| 5.7 | Quy trình xử lý công việc | | | | |
|----------------------------------|--|---------------------------|--|---|-------------------------|
| QUY TRÌNH XỬ LÝ CÔNG VIỆC | | | | | |
| TT | Trình tự | Trách nhiệm | Thời gian | | Biểu mẫu/Kết quả |
| | | | <small>Đối với các xã thuộc khu vực thành thị, nông thôn</small> | <small>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn</small> | |
| I | TỔ CHỨC | | 07 ngày làm việc | 17 ngày làm việc | |
| 1 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Phòng Đất đai | Bộ phận TTPVH CC | 1/2 | 1/2 | |
| 2 | Phân công chức thụ lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng Đất đai | 1/2 | 1/2 | |
| 3 | Thực hiện thẩm định nhu cầu sử dụng đất, nếu đủ điều kiện gia hạn thì lập Phiếu chuyển thông tin cho Văn phòng đăng ký đất đai gửi thông tin đến cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính | Chuyên viên Phòng Đất đai | 1 | 5 | |
| 4 | Lập Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính gửi cơ quan Thuế | Viên chức phòng ĐK&C GCN | 1/2 | 1 | |
| 5 | Thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có), phô tô chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính gửi Phòng Đất đai | Người sử dụng đất | 0 | 0 | |

| | | |
|---|--|-----------------------------|
| SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC KẠN | QUY TRÌNH | Mã hiệu: 07/QTr-VPĐK |
| | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: .../.../2020 |

| | | | | | |
|-----------|--|---------------------------------------|-------------------------|-------------------------|--|
| 6 | Sau khi người sử dụng đất thực hiện xong nghĩa vụ tài chính thì thảo Tờ trình gửi UBND tỉnh đề nghị gia hạn sử dụng đất | Chuyên viên Phòng Đất đai | 1 | 2 | |
| 7 | Ký Tờ trình chuyển Văn thư phát hành | Lãnh đạo Sở | 1/2 | 1/2 | |
| 8 | Phát hành Tờ trình, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh | Văn thư sở | 1/2 | 1/2 | |
| 9 | Ký Quyết định gia hạn sử dụng đất, chuyển Văn thư phát hành | Lãnh đạo UBND tỉnh | 1 | 4 | |
| 10 | Thảo Hợp đồng thuê đất trình Lãnh đạo Sở ký, chuyển hồ sơ cho VPĐKĐĐ | Chuyên viên Phòng Đất đai | 1 | 2 | |
| 11 | Ghi nội dung xác nhận thay đổi gia hạn sử dụng đất vào GCN đã cấp; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có); trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. | Viên chức phòng ĐK&C GCN | 1/2 | 1 | |
| 12 | Trả kết quả | Bộ phận tiếp nhận TTPVH CC | Kết thúc QT | | |
| II | HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN | | 07 ngày làm việc | 17 ngày làm việc | |
| 1 | Tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Phòng TNMT | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND | 1/2 | 1/2 | |




| | | |
|---|--|-----------------------------|
| SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC KẠN | QUY TRÌNH | Mã hiệu: 07/QTr-VPĐK |
| | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: .../.../2020 |

| | | | | | |
|---|--|-------------------------|-----|-----|--|
| | | cấp huyện | | | |
| 2 | Phân công chức thụ lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng TNMT | 1/2 | 1/2 | |
| 3 | Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, nếu đủ điều kiện gia hạn thì thông tin cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để chuyển thông tin địa chính đến cơ quan Thuế xác định nghĩa vụ tài chính | Chuyên viên Phòng TNMT | 2 | 6 | |
| 4 | Lập Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính gửi cơ quan Thuế | Viên chức CNVPĐ K | 1/2 | 1 | |
| 5 | Thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có), phô tô chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính gửi Phòng TNMT | Người sử dụng đất | 0 | 0 | |
| 6 | Sau khi người sử dụng đất thực hiện xong nghĩa vụ tài chính thì soạn thảo Tờ trình gửi UBND cấp huyện quyết định gia hạn sử dụng đất | Chuyên viên Phòng TNMT | 1 | 2 | |
| 7 | Ký Quyết định gia hạn sử dụng đất, chuyển Văn thư ban hành, chuyển Phòng TNMT | Lãnh đạo UBND cấp huyện | 1/2 | 2 | |
| 8 | Soạn dự thảo Hợp đồng thuê đất gửi người sử dụng đất ký và trình Lãnh đạo UBND cấp huyện (hoặc Phòng TNMT nếu được ủy quyền) ký Hợp đồng thuê đất. Sau khi hoàn thiện ký Hợp đồng thì | Chuyên viên Phòng TNMT | 1 | 3 | |

| | | |
|---|--|-----------------------------|
| SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC KẠN | QUY TRÌNH | Mã hiệu: 07/QTr-VPĐK |
| | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: .../.../2020 |

| | | | | | |
|----|---|---|-------------|---|--|
| | chuyển hồ sơ cho Văn phòng CNĐKĐĐ | | | | |
| 9 | Ghi nội dung xác nhận thay đổi gia hạn sử dụng đất vào GCN đã cấp để Lãnh đạo Chi nhánh ký xác nhận; chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai (nếu có); chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. | Viên chức CNVPĐ K | 1 | 2 | |
| 10 | Trả kết quả | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện | Kết thúc QT | | |

6. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu | File |
|-----------|----------------|--|---|
| 1 | Mẫu số 02/ĐK | Phiếu tiếp nhận và trả kết quả đăng ký cấp giấy chứng nhận |  Mẫu số 02ĐK.doc |
| 2 | Mẫu số 09/ĐK | Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất |  Mẫu số 09ĐK.doc |
| 3 | Mẫu số 01/LCHS | Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ về đất đai |  Mẫu số 01LCHS.docx |

7. HỒ SƠ CẦN LƯU

| TT | Hồ sơ lưu |
|-----------|---------------------------------|
| 1 | Lưu tại VPĐKĐĐ tỉnh |
| | Hồ sơ của tổ chức |
| 2 | Lưu tại Chi nhánh VPĐKĐĐ |

| | | |
|---|---|-----------------------------|
| SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC KẠN | QUY TRÌNH Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế | Mã hiệu: 07/QTr-VPĐK |
| | | Lần ban hành: 01 |
| | | Ngày ban hành: .../.../2020 |

| | |
|-----------------------------------|--------------------------------|
| | Hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân |
| | |
| <i>Hồ sơ được lưu trữ lâu dài</i> | |